TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HC-PT
Ngày: 22/02/2023
V/v khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Bà Lê Thị B Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 107/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc "Khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1079/2023/QĐPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1959; địa chỉ: Phòng 2212 tòa nhà H, phường P, quận H, thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân T, Phó Chủ tịch UBND huyện (văn bản ủy quyền số 136/GUQ ngày 27/9/2022). Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H .

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn M, Phó Chủ tịch UBND thị trấn.

- Ông Lê Trung H, cán bộ địa chính thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H.

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1973, Trưởng phòng nông nghiệp huyện Z, huyện Z, tỉnh H.

- Bà Lê Thị C, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố G, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh

H.

- Ông Trịnh Xuân B1, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu 2, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H.

- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 2, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H.

- Ông Trịnh Thanh D, sinh năm 1996; địa chỉ: Khu 2, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2019, các đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện trình bày ý kiến:

Vào khoảng thời gian năm 2010, vợ chồng ông bà Phạm Thị B, Trịnh Xuân B1 nhiều lần vay tiền của bà Trịnh Thị A nhưng không thực hiện thời gian trả như hai bên đã thỏa thuận. Bà A đã làm đơn khởi kiện ông B1, bà B. Bản án dân sự phúc thẩm số 62/2014/DSPT ngày 21/10/2014 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của Tòa án nhân dân tỉnh H quyết định: *Buộc chị Phạm Thị B phải trả nợ cho bà Trịnh Thị A số tiền gốc là: 255.000.000 đồng; Buộc vợ chồng chị Phạm Thị B và anh Trịnh Xuân B1 phải trả nợ cho bà Trịnh Thị A số tiền gốc là: 9.928.000 đồng.* Bản án có hiệu lực pháp luật, bà A đã có đơn đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh H yêu cầu thi hành án.

Ngày 09/3/2015 và ngày 12/3/2015, Chi cục thi hành án huyện Z, tỉnh H tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của gia đình bà B, ông B1. Sau khi xác minh, kết quả là 01 nhà ở cấp bốn, 02 tầng xây bê tông cốt thép diện tích sử dụng khoảng 100m^2, trên diện tích đất 53,3m^2, thửa đất 103, ki ốt số 10, tờ bản đồ số 05 tại chợ G, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 12/3/2015, Chi cục Thi hành án huyện Z, tỉnh H ra thông báo số 01/TB-CCTHA gửi ông Trịnh Xuân B1, bà Phạm Thị B về việc: Yêu cầu ông B1, bà B không được tự ý bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào đối với kiốt số 10 chợ G, khu 2 thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H.

Nhưng trước đó gia đình ông B1, bà B đã lập biên bản thỏa thuận dùng tài sản gắn liền trên đất tại ki ốt số 10 chợ G để thanh toán khoản nợ cho bà Lê Thị C 560.000.000 đồng theo Quyết định số 10/2014/QĐDS-ST ngày 13/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh H. Biên bản thỏa thuận được công chứng tại Văn phòng công chứng H do công chứng viên Nguyễn Văn X ký. Ngày 02/5/2018, UBND thị trấn Z, tỉnh H chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông B1 bà B cho bà Lê Thị C. Ngày 27/6/2018, UBND huyện Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954026, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00648 cho bà Lê Thị C. Ngày 03/7/2018, UBND thị trấn Z, tỉnh H xác nhận Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất của bà Lê Thị C cho ông Trịnh Thanh D, trú tại khu phố G, huyện Z, tỉnh H. Đến ngày 05/7/2018, UBND huyện Z, tỉnh H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thanh D.

Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định rõ ki ốt số 10 chợ G thuộc thửa đất 103, tờ bản đồ số 5, diện tích 51,8m^2 mà vợ chồng ông B1 bà B mua lại của ông Trịnh Ngọc Minh vào năm 2007 và yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00648 ngày 27/6/2018 do UBND huyện Z, tỉnh H cấp cho bà Lê Thị C; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH66676 ngày 05/7/2018 do UBND huyện Z, tỉnh H cấp cho anh Trịnh Thanh D diện tích 5 l,8m^2, thửa 103, tờ bản đồ số 5.

Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh H trình bày: Ngày 27/4/2018, ông Trịnh Xuân B1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số cấp giấy chứng nhận là CH00151 tại thửa số 103, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính huyện Z, tỉnh H.

Ngày 03/4/2018, UBND huyện Z nhận được đơn đề nghị của bà Trịnh Thị A nội dung tạm dừng việc chuyển nhượng tài sản là ki ốt 10 tại chợ G của gia đình bà Phạm Thị B cho bà Lê Thị C cũng như việc mua bán tặng cho bất kỳ ai. Ngày 02/5/2018, UBND thị trấn Z, tỉnh H chứng thực Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Trịnh Xuân B1 và bà Phạm Thị B cho bà Lê Thị C.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị chuyển quyền sử dụng đất giữa ông B1, bà B sang bà Lê Thị C, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Z đã gửi Công văn số 56/UBND-VPĐKQSD ngày 09/5/2019 yêu cầu bà Trịnh Thị A cung cấp tài liệu liên quan đến việc yêu cầu dừng hồ sơ chuyển nhượng của ông B1, bà B. Ngày 14/5/2019, UBND huyện Z nhận được đơn đề nghị của bà Trịnh Thị A. Đến ngày 16/5/2019, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Z gửi Công văn số 100/CV-VPĐK về việc trả lời đơn đề nghị của bà Trịnh Thị A do bà không cung cấp đủ hồ sơ để tạm dừng việc chuyển quyền sử dụng đất của ông B1 bà B. Hồ sơ đăng ký đã bảo đảm nên ngày 27/6/2018 UBND huyện Z đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị C số CM954026 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00648, là đúng quy định của pháp luật.

Sau đó, ngày 03/7/2019, UBND thị trấn Z đã xác nhận Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Lê Thị C và ông Trần Hùng Anh sang cho ông Trịnh Thanh D và ngày 04/7/2019, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Z lập Phiếu chuyển thông tin số 747/TTĐC ngày 04/7/2018 để xác định nghĩa vụ tài chính; sau khi các bên đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, ngày 05/7/2018 UBND huyện Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Thanh D đúng theo trình tự quy định pháp luật.

UBND huyện Z không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị A.

Ông Lê Văn Tiến (Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường - Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất) trình bày:

Bà Lê Thị C là người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CM954026, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00648, cấp ngày 27/6/2018 của UBND huyện Z, tỉnh H.

Ông Trịnh Thanh D, địa chỉ xã Vĩnh Phúc, huyện Z là người nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất từ bà Lê Thị C.

Ngày 03/7/2018, bà C và ông D cùng tiến hành lập Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 103, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H. Cùng ngày 03/7/2018, UBND thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H đã chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Lê Thị C và ông Trịnh Thanh D.

Bà C đã lập hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông D bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954026 mang tên bà Lê Thi C cấp ngày 27/6/2018;

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018;

- Tờ khai thuế thu nhập cá nhân;

- Tờ khai thuế trước bạ;

- Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở;

- Bản vẽ sơ đồ nhà ở;

Sau khi tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận một cửa của Văn phòng UBND huyện Z, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Z đã tiến hành kiểm tra, xử lý hồ sơ và xác định hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà Lê Thị C cho ông Trịnh Thanh D là hồ sơ hợp lệ.

Ngày 04/7/2018, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Vĩnh lập Phiếu chuyển thông tin số 747/TTĐC để xác định nghĩa vụ tài chính đối với bà C. Sau khi bà C hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Z, tỉnh H đã tham mưu cho UBND huyện Z, tỉnh H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trịnh thanh D và đã trả hồ sơ cho bộ phận một cửa Văn phòng UBND huyện Z, tỉnh H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số phát hành: CM954071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00676 mang tên ông Trịnh Thanh D.

Quá trình thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Lê Thị C sang ông Trịnh Thanh D được diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Trịnh Xuân B1, bà Phạm Thị B trình bày: Năm 2003 ông Trịnh Xuân B1 bà Phạm Thị B có vay của bà Lê Thị C số tiền là 560.000.000 đồng. Do không trả được nên ngày 17/5/2014, ông B1, bà B tự nguyện thỏa thuận chuyển nhà ki ốt chợ G cho bà C để thay thế, mọi thủ tục chuyển nhượng hai bên đã làm đầy đủ theo quy định pháp luật.

Bà Lê Thị C trình bày thống nhất trình bày của ông Trần Văn B1, bà Trịnh Thị B.

Anh Trịnh Thanh D: Ngày 05/7/2018 anh có mua của bà Lê Thị C nhà đất có diện tích 51,8m^2, tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 5, địa chỉ khu phố 2, thị trấn Z, huyện Hậu Lộc, tỉnh H, thủ tục chuyển nhượng bên mua và bên bán đã làm đúng theo quy định pháp luật.

UBND thị trấn huyện Z, tỉnh H trình bày:

Về hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Xuân B1 bà Phạm Thị B cho bà Lê Thị C. Theo đề nghị của 21 hộ sử dụng ki ốt chợ G, huyện Z, tỉnh H; Kết luận số 33/KL/HU ngày 09/11/2017 của Ban thường vụ huyện ủy huyện Z về việc thống nhất chủ trương công nhận quyền sử dụng đất ở có thu tiền sử dụng đất cho 21 hộ sử dụng ki ốt chợ G; Hướng dẫn số 136 ngày 25/01/2018 của UBND huyện Z, tỉnhH về việc hướng dẫn thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

UBND huyện Z đã hướng dẫn để các hộ dân sử đụng ki ốt chợ G chuẩn bị hồ sơ liên quan đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, trong đó có chủ hộ Trịnh Xuân B1 và vợ là Phạm Thị B.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Xuân B1 và vợ là Phạm Thị B với bà Lê Thị C được chứng thực tại UBND thị trấn Z theo quy định (nơi có thửa đất số 103 tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính huyện Z tỷ lệ 1/1000 đo vẽ năm 1998), dựa theo Biên bản thỏa thuận ngày 17/5/2014 giữa ông hộ Trịnh Xuân B1, vợ là Phạm Thị B và bà Lê Thị C lập tại Văn phòng công chứng H.

Việc chứng thực hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất căn cứ theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tại thời điểm chứng thực, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật và UBND thị trấn không nhận được quyết định hoặc các loại giấy tờ liên quan đến việc tạm dừng việc đăng ký chuyển quyền sở hữu tài sản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Z. UBND thị trấn Z đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã Quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206; khoản 3 Điều 345; Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 167; khoản 1, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 66 Luật Thi hành án; Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và điểm 1 mục III phần A Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị A về việc:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00648 ngày 27/6/2018 do UBND huyện Z cấp cho bà Lê Thị C.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH66676 ngày 05/7/2018 do UBND huyện Z cấp cho anh Trịnh Thanh D.

Miễn án phí hành chính cho bà Trịnh Thị A.

Ngày 09/02/2021, bà Trịnh Thị A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung đơn kháng cáo và các đơn trình bày, bà A cho rằng: giữa bà C với vợ chồng ông B1, bà B thực chất không có vay nợ mà mượn tay Toà án để có Quyết định công nhận thoả thuận số 10/2014 ngày 13/5/2014 sau đó tiếp tục tự thoả thuận việc thi hành bằng cách ông B1 bà B giao cho bà C ki ốt để trốn nghĩa vụ trả nợ cho bà A. Bà A cho rằng cơ quan thi hành án đã có thông báo số 01/TB-CCTHA ngày 12/3/2015 yêu cầu ông B1, bà B không được tự ý bán, chuyển nhượng ki ốt số 10 Chợ G nhưng vợ chồng ông B1 bà B vẫn bán cho bà C và UBND thị trấn vẫn chứng thực hợp đồng sau đó UBND huyện cấp GCNQSD đất cho bà C đã làm thiệt hại cho bà do ông B1 bà B không còn tài sản thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trịnh Thị A giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung: Ki ốt số 10 tại Chợ G, thị trấn Z, huyện Z không phải là tài sản thế chấp khi ông B1 bà B vay tiền của bà A; thỏa thuận ngày 17/5/2014 giữa ông B1 bà và B với bà C căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 10/2014/QĐ-ST ngày 13/5/2014 của TAND huyện Z (ông B1, bà B trả cho bà C số tiền 560.000.000 đồng) nên không có căn cứ chấp nhận việc bà A cho rằng thỏa thuận không có giá trị nhằm tẩu tán tài sản trốn nghĩa vu thi hành án cho bà A. Tuy vào tháng 3/2015 Chi cục thi hành án huyện Z tuy có tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của gia đình bà B, ông B1 nhưng do thửa đất trên chưa có GCNQSD đất và cơ quan thi hành án không có Quyết định kê biên tài sản này của bà B, ông B1 để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án. Sau khi được cấp GCNQSD đất vào năm 2018, ông B1, bà B và bà C ký lại hợp đồng chuyển nhượng tài sản là ki ốt số 10 chợ G và nộp hồ sơ để được cấp GCNQSD cho bà C theo quy định của pháp luật. Thời điểm này tài sản không thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp bảo đảm để thi hành án. Việc chuyển nhượng và đăng ký, quy trình cấp GCNQSDĐ cũng như đăng ký biến động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Toà án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị A yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954071, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00648 ngày 27/6/2018 do UBND huyện Z, tỉnh H cấp cho bà Lê Thị C; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954071 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH66676 ngày 05/7/2018 do UBND huyện Z, tỉnh H cấp cho anh Trịnh Thanh D đúng quy định tại khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị A:

Bà A khởi kiện cho rằng UBND thị trấn Z, UBND huyện Z đã thực hiện trình tự thủ tục về hợp đồng chuyển nhượng để cấp các GCNQSD đất nêu trên không đúng quy định:

[2.1] Vợ chồng ông Trịnh Xuân B1, bà Phạm Thị B có gian ki ốt số 10 Chợ G sử dụng với mục đích kinh doanh, đã được UBND huyện Z, tỉnh H cấp *Giấy cấp quyền sử dụng gian hàng kiot chợ huyện Z* số 225/UB vào năm 1997, giấy cấp có ghi ông B1, bà B được quyền sử dụng đất lâu dài và được quyền chuyển nhượng ki ốt cho người khác; ngày 24/2/1997 được UBND huyện Z có Quyết định 36 XDCB/UBVL giao thêm 9m^2 đất phía sau ki ốt (giao đất có thu tiền).

Tại Quyết định công nhận sự thoả thuận số 10/2014/QĐ-ST ngày 13/5/2014 của Toà án nhân dân huyện Z, tỉnh H đã ghi nhận sự thoả thuận về việc vợ chồng ông B1, bà B có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị C tổng số 560.000.000 đồng. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật, đến nay không bị huỷ theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Ngày 17/5/2014, bà C và ông B1, bà B tự nguyện ký văn bản thoả thuận nội dung bà B ông B1 trả khoản tiền 560.000.000 đồng cho bà C bằng gian ki ốt số 10 có tổng diện tích 21m^2 và căn nhà 2 tầng (diện tích sử dụng 100m^2) cho bà C. Như vậy, thời điểm thoả thuận đối trừ là ngày 17/5/2014 tài sản không bị cơ quan có thẩm quyền hạn chế kê biên, cấm chuyển dịch và trước thời điểm cơ quan thi hành án có Thông báo thi hành án số 01/TB-CCTHA ngày 12/3/2015; thỏa thuận phù hợp quy định tại Điều 3, Điều 389 Bộ luật dân sự (không vi phạm điều cấm, mục đích xác lập nhằm để thi hành Quyết định của Toà án đã có hiệu lực). Tại Toà án cấp sơ thẩm, bà C, ông B1 bà B đều xác nhận ngày 17/5/2014 đã tự nguyện lập văn bản đối trừ khoản nợ 560.000.000 đồng và không nhất trí huỷ giao dịch.

Quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa nguyên đơn là Công chứng viên Nguyễn Văn X với bị đơn là bà Trịnh Thị B, ông Trịnh Xuân B1, bà Lê Thị C (đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 60/2019/DS-PT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H), công chứng viên Nguyễn Văn X xác nhận vào ngày 17/5/2014 bà B, ông B1 và bà C đến yêu cầu công chứng thoả thuận; bà B, ông B1 và bà C đều xác định ngày 17/5/2014 đã tự nguyện lập ký

văn bản nên không đồng ý huỷ.

[2.2] Năm 2018, ông B1 bà B nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 27/4/2018 được UBND huyện Z cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00151 đối với thửa đất mang số 103, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H - là thửa 103 tờ bản đồ số 5 là ki ot số 10 Chợ G. Ngày 02/5/2018 ông B1 bà B ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà C, bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM954071 ngày 27/6/2018.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện UBND thị trấn Z xác nhận thực hiện chứng thực Hợp đồng ngày 02/5/2018 căn cứ Văn bản thoả thuận lập ngày 17/5/2014 giữa bà B, ông B1 với bà C và thời điểm này, UBND thị trấn không nhận được bất cứ văn bản giấy tờ gì của cơ quan có thẩm quyền hay của cơ quan thi hành án yêu cầu tạm dừng thủ tục. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã có văn bản số 56/UBND-VPĐKQD ngày 09/5/2019 yêu cầu bà A cung cấp tài liệu về việc dừng hồ sơ nhưng bà A không cung cấp đủ hồ sơ theo yêu cầu nên ngày 16/5/2019 đã có văn bản số 100/CV-VPĐK trả lời bà A và thấy hồ sơ chuyển nhượng đủ điều kiện nên UBND huyện Z đã thực hiện thủ tục và cấp GCNQSD đất cho bà C theo quy định.

Với các chứng cứ tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm xác định UBND thị trấn Z và UBND huyện Z đã thực hiện thủ tục về hợp đồng giữa ông B1, bà B chuyển nhượng nhà đất cho bà Lê Thị C, đã cấp GCNQSD đất cho bà C là đảm bảo đúng quy định trình tự, thủ tục; không có chứng cứ xác định có dấu hiệu tẩu tán, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án- từ đó xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị A (huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C từ đó huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho người nhận chuyển nhượng của bà C là anh D), là có cơ sở.

[2.3] Bà A kháng cáo cho rằng ông B1, bà B và bà C, anh D đã thông đồng với nhau và giả tạo việc vay nợ, giả tạo chuyển nhượng cho anh D để tẩu tán tài sản- nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh.

Bà A xuất trình đơn có xác nhận của UBND thị trấn Z, huyện Z, tỉnh H ngày 02/01/2021 (nội dung ông B1 bà B không còn nhà đất nào khác tại thị trấn Z); tại phiên tòa phúc thẩm bà cho rằng ông B1, bà B có tiền, tài sản nhưng không trả cho bà…Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Ông B1 bà B có nghĩa vụ thi hành bản án của Toà án đã có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh tài sản của người phải thi hành án để thi hành bản án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

[3] Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị A.

[4] Án phí: Bà Trịnh Thị A thuộc đối tượng được miễn, đã có đơn xin miễn nên đủ điều kiện được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Trịnh Thị A. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trịnh Thị A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/2/2023.

Nơi nhận:
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H ;
- Cục THADS tỉnh H;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương